

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 83

LUẬN VỀ THẬP MÔN (Phần 13)

Như trong kinh nói: “Trú trong định Từ thì gươm dao-chất độc-nước-lửa đều không thể nào làm hại được, chắc chắn không có tai họa bất ngờ mà dẫn đến mạng chung.”

Hỏi: tại sao như vậy?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: Bởi vì Tam-ma-địa Từ là pháp không gây hại. Lại đưa ra cách nói này: Bởi vì uy thế to lớn của Tam-ma-địa Từ. Lại đưa ra cách nói này: Tam-ma-địa Từ làm lợi ích cho người khác, cho nên chư Thiên thiện thần đều ủng hộ bảo vệ. Lại đưa ra cách nói này: Tu Tĩnh lự là cảnh giới của Tĩnh lự, vốn có thần thông là cảnh giới của thần thông, cho nên vốn có uy đức không thể nghĩ bàn. Lại đưa ra cách nói này: Trú trong định Từ thì khởi lên phần tâm thù thắng, không phải là phần tâm thù thắng có sinh tử.

Đại đức nói rằng: Nếu trú trong định Từ, thì đại chủng của cõi Sắc sinh ra khắp toàn thân, khiến cho thân sở y cứng và dày như đá, cho nên không có thể làm hại.

Hỏi: Định Bi-Hỷ-Xả là có thể làm hại hay không? Nếu có thể làm hại thì tại sao định Từ và Bi-Hỷ-Xả đều do Vô lượng thân nhiếp, mà chỉ có định Từ là không có thể làm hại? Nếu không có thể làm hại thì tại sao kinh không nói?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Định Bi-Hỷ-Xả cũng không có thể làm hại.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao kinh này không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác. Lại nữa, đã nói đến định Từ thì nên biết là cũng nói đến định Bi-Hỷ-Xả, bởi vì chủng loại giống như. Lại nữa, định Từ ở đầu tiên, nếu

các định Bi... tuy không có thể làm hại, mà lúc ra khỏi định thì thân có khổ vi tế; định Từ thì không như vậy, cho nên chỉ nói đến Từ. Lại nữa, trú trong các định Bi... tuy không có thể làm hại mà bề mặt có suy tổn; định Từ thì không như vậy, cho nên chỉ nói đến Từ. Lại nữa, căn bản của Bi... tuy không có thể làm hại, mà lúc gia hạnh thì có thể làm tổn thương; Từ thì không như vậy, cho nên chỉ nói đến Từ.

Từng nghe có người tuy đạt được gia hạnh thuộc định Từ của cõi Dục, mà lúc phạm vào phép vua bị người quản lý pháp luật bắt đưa đến gặp nhà vua, thưa rõ rằng: Người này phạm tội đáng chết. Lúc ấy nhà vua cười voi muốn ra ngoài thành dạo chơi, trông thấy rồi sai người kiểm tra luật lệ theo phép vua, biết người ấy đã phạm vào, nhà vua phải tự tay sát hại. Nhà vua liền nổi giận dùng giáo nhọn đâm người ấy. Người ấy trông thấy rồi lập tức khởi tâm Từ, khiến cho ngọn giáo phóng đến quay trở lại hướng về chỗ nhà vua, cách nhà vua không xa mà cắm xuống mặt đất. Nhà vua trông thấy kinh sợ hỏi người phạm tội rằng: Ông có phép thuật gì mà có thể làm nên điều này? Người ấy trả lời rằng: Tôi không có phép thuật gì khác, thấy nhà vua tức giận cho nên khởi tâm Từ, khiến cho tâm ác không thể nào làm hại được. Nhà vua nhân đó sám hối nhận lỗi lập tức thả ra. Vì vậy cho nên biết tu gai hạnh Từ cũng không có thể làm hại, Bi... thì không như vậy.

Như trong kinh nói: “Tu Từ đoạn giận dữ, tu Bi đoạn làm hại, tu Hỷ đoạn không vui, tu Xả đoạn tham và giận.”

Hỏi: Đã nói Từ và xả cùng đối trị giận dữ, sự giận dữ đã đối trị có gì sai biệt?

Đáp: Từ đối trị với giận dữ làm mất mạng sống xả đối trị với giận dữ đánh đập mắng chửi. Lại nữa, Từ đối trị với giận dữ đúng chỗ, Xả đối trị với giận dữ không đúng chỗ.

Hỏi: Vô lượng là có năng lực đoạn phiền não hay không? Nếu có năng lực thì chương Định Uẩn đã nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Từ-Bi-Hỷ-Xả đều không có năng lực đoạn thì kinh này thông hiểu thế nào?”

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Vô lượng không có năng lực đoạn các phiền não.

Hỏi: Nếu như vậy thì dễ dàng thông hiểu chương Định Uẩn đã nói, kinh này đã nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Đoạn có hai loại:

1. Đoạn trong chốc lát.
2. Đoạn đến cuối cùng.

Dựa vào đoạn trong chốc lát thì kinh này nói là có năng lực đoạn, dựa vào đoạn đến cuối cùng thì chương Định Uẩn nói là không đoạn. Như vậy dễ dàng thông suốt hai cách nói của kinh và luận. Như đoạn trong chốc lát-đoạn đến cuối cùng, như vậy đoạn có phần-đoạn không có phần, đoạn có hình ảnh-đoạn không có hình ảnh, đoạn có sót lại-đoạn không còn sót, đoạn có tùy theo ràng buộc-đoạn không có tùy theo ràng buộc, đoạn có phạm vi-đoạn không có phạm vi, đoạn chế ngự điều phục-đoạn nhỏ sạch gốc rễ, đoạn chế phục các triền-đoạn làm hại tùy miên, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Nếu bốn Vô lượng không đoạn phiền não, thì kinh khác đã nói phải thông hiểu thế nào? Như nói: “Này Tỳ-kheo! Tu định tâm Từ, nếu không thắng tiến thì trú vào quả Bất hoàn, nói rộng ra cho đến tu định tâm Xả, nên biết cũng như vậy.”

Đáp: Kinh ấy nói Thánh đạo gọi là định tâm Từ... Như trong các kinh Đức Phật đối với Thánh đạo, hoặc nói là Tưởng, hoặc nói là Thọ, hoặc nói là Tư, hoặc nói là Ý, hoặc nói là Đăng, hoặc nói là Tín-Tinh tiến-Niệm-Định-Tuệ, hoặc nói là thuyền bè, hoặc nói là núi đá, hoặc nói là hoa trong nước, mỗi một loại dẫn kinh như nơi khác nói; kinh ấy cũng như vậy, đối với đạo vô lậu nói thanh Từ..., cũng không trái với lý.

Lại nữa, vì người cầu bốn loại Phạm trú như Từ... mà lìa nhiễm cõi Dục, hoặc là dị sinh, hoặc là Thánh giả. Nếu là dị sinh thì trước lìa nhiễm cõi Dục đạt được định Từ..., về sau được tiến vào Chánh tánh ly sinh chứng quả Bất hoàn. Nếu người ấy lúc trước đối với nhiễm cõi Dục chưa đạt được lìa tiền phần, thời gian sau được tiến vào Chánh tánh ly sinh, chứng quả Dự lưu hoặc quả Nhất lai, sau đó chứng được quả Bất hoàn là lực của Từ... Nếu là Thánh giả thì lúc lìa nhiễm cõi Dục, đạt được định Từ... và quả Bất hoàn. Dựa vào đây cho nên nói tu định Từ... đạt được quả Bất hoàn, cũng không trái với lý.

Như trong kinh nói: “Tu quán Bất tịnh có năng lực đoạn dục tham, tu xả vô lượng cũng đoạn dục tham.”

Hỏi: Hai loại này sai khác thế nào?

Đáp: Tu quán Bất tịnh đối trị cái tham về dâm dục, tu xả vô lượng đối trị cái tham về cảnh giới. Lại nữa, tu quán Bất tịnh đối trị cái tham về sắc lộ bày, tu xả vô lượng đối trị cái tham về hình sắc. Lại nữa, tu quán Bất tịnh đối trị cái tham về xúc chạm mịn màng, tu xả vô lượng đối trị cái tham về dung mạo cử chỉ. Lại nữa, tu quán Bất tịnh đối trị cái tham về hình dáng tướng mạo, tu xả vô lượng đối trị cái tham về hữu

tình. Đó gọi là sai biệt giữa tu quán Bất tịnh và tu xả vô lượng cùng đối trị với dục tham.

Như trong kinh nói: “Từ đi cùng với tu những Giác chi như Niệm..., dựa vào lìa bỏ, dựa vào không có dục, dựa vào diệt, hồi hướng đối với xả. Ba loại Bi-Hỷ-xả nói cũng như vậy.”

Hỏi: Vô lượng là hữu lậu, Giác chi là vô lậu, làm sao hữu lậu lại đi cùng với vô lậu?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Do bốn Vô lượng điều phục tâm ấy, khiến cho tâm chất trực có được những năng lực chịu đựng, từ đây không ngừng dần dất khởi lên Giác chi, Giác chi không ngừng dần dất phát khởi Vô lượng, Vô lượng và Giác chi xen lẫn nhau mà phát khởi, cho nên nói là đi cùng mà thật sự không song song.”

Hỏi: Trong bốn Vô lượng thì loại nào thù thắng nhất?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Từ là thù thắng nhất. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Đức Phật dùng Đại bi để giảng thuyết chánh pháp. Hoặc có người nói: Hỷ là thù thắng nhất. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì đoạn không vui. Lại có người nói: xả là thù thắng nhất. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì đoạn tham giận.

Đại đức nói rằng: Do hai nhân duyên mà xả là thù thắng nhất:

1. Do việc làm, nghĩa là nếu tu xả thì có năng lực đoạn tham giận.
2. Do vắng lặng, nghĩa là đối với hữu tình không phân biệt mà chuyển, cho nên xả là thù thắng nhất.

Hỏi: Tại sao Đức Thế Tôn chỉ nói Đại bi, không nói Đại Từ-Đại Hỷ-Đại Xả?

Đáp: Điều cần phải là Đại, bởi vì tất cả công đức trong thân Phật đều là Đại, bởi vì tâm mong muốn làm lợi ích cho vô lượng hữu tình mà phát khởi, bởi vì tâm mong muốn cứu giúp cho vô lượng hữu tình mà phát khởi, bởi vì tâm mong muốn thương xót vô lượng hữu tình mà phát khởi, tâm thiện bình đẳng đối với các hữu tình nối tiếp nhau mà chuyển. Nhưng ở trong này không cần phải đưa ra câu hỏi. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu tự tánh của Bi chính là Đại bi thì có thể đưa ra câu hỏi này, nhưng tự tánh của Bi và Đại Bi khác nhau, cho nên không cần phải hỏi, mà trong các kinh cũng có nơi nói đến Đại Từ-Đại Hỷ và Đại Xả.

Hỏi: Bi và Đại Bi có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi chính là sai biệt, đó là tên gọi là Bi, tên gọi là Đại Bi. Lại nữa, Bi dùng căn thiện không sân làm tự tánh, Đại Bi dùng căn thiện không si làm tự tánh. Lại nữa, Bi đối trị với thiện căn bất thiện

sân, Đại Bi đối trị với căn bất thiện si. Lại nữa, Bi thuộc về Bốn Tĩnh lực, Đại Bi chỉ thuộc về Tĩnh lực thứ tư. Lại nữa, Bi là vô lượng thâm nhiếp, Đại Bi không phải là vô lượng thâm nhiếp. Lại nữa, Bi thành tựu ở trong thân dị sinh và Thánh giả, Đại Bi chỉ thành tựu ở trong thân Thánh giả. Lại nữa, Bi thành tựu ở trong thân Thanh văn-Độc giác và Phật, Đại Bi chỉ thành tựu ở trong thân Phật. Lại nữa, Bi chỉ có thể thương xót mà không có năng lực cứu giúp, đại Bi có thể thương xót lại cũng có năng lực cứu giúp. Như có hai người đứng bên bờ sông rộng, thấy có một người bị nước nhấn chìm, một người chỉ bóp tay thương xót than thở mà thôi chứ không có năng lực cứu giúp, Bi cũng như vậy; người thứ hai nghĩ thương xót lao thân vào dòng nước mà cứu giúp người bị nạn, Đại Bi cũng như vậy.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: Bi chỉ duyên với khổ của cõi Dục đã làm khổ hữu tình, Đại Bi duyên với khổ của ba cõi đã làm khổ hữu tình. Lại đưa ra cách nói này: Bi chỉ duyên với khổ thô nặng đã làm khổ hữu tình, Đại Bi duyên với khổ thô nặng và vi tế đã làm khổ hữu tình. Lại đưa ra cách nói này: Bi chỉ duyên với khổ khổ đã làm khổ hữu tình, Đại Bi duyên với cả ba khổ đã làm khổ hữu tình. Lại đưa ra cách nói này: Bi chỉ duyên với khổ của thân đã làm khổ hữu tình, Đại Bi duyên với khổ của thân và tâm đã làm khổ hữu tình. Lại đưa ra cách nói này: Bi chỉ duyên với khổ của pháp hiện tại đã làm khổ hữu tình, Đại Bi duyên với khổ của pháp hiện tại và pháp vị lai đã làm khổ hữu tình. Lại đưa ra cách nói này: Bi chỉ duyên với khổ gần đã làm khổ hữu tình, Đại Bi duyên với khổ gần và xa đã làm khổ hữu tình. Lại đưa ra cách nói này: Bi chỉ duyên với khổ của hiện tại đã làm khổ hữu tình, Đại Bi chỉ duyên với khổ của ba đời đã làm khổ hữu tình.

Đại đức nói rằng: Đại Bi là pháp bất cộng trú thuộc Tĩnh lực thứ tư của Phật, có năng lực tùy theo hành xa xôi, có năng lực tùy theo hành vi tế, có năng lực tùy theo hành bao trùm, trùm khắp tất cả các phẩm oán-thân và trung bình, bình đẳng mà chuyển các loài hữu tình; Bi cùng với dị sinh-Thanh văn và Độc giác đều thành tựu như nhau, chắc chắn không có năng lực duyên với cõi Sắc-Vô sắc. Đó gọi là sự sai biệt giữa Bi và đại Bi.

Hỏi: Bởi vì nghĩa gì cho nên gọi là Đại Bi?

Đáp: Cứu giúp nỗi khổ to lớn của các loài hữu tình, cho nên gọi là Đại Bi. Nỗi khổ to lớn ấy là khổ đau trong địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ. Lại nữa, cứu giúp cho các loại hữu tình đang chìm đắm trong bùn lầy của ba độc, đưa vào yên ổn trong Thánh đạo và quả của Thánh đạo,

cho nên gọi là Đại Bi.

Lại nữa, dùng lợi ích to lớn-sự an vui to lớn để thâm nhiếp các loài hữu tình, cho nên giới Đại Bi. Nghĩa là khiến cho hữu tình tu ba loại diệu hạnh của thân-ngữ-ý, cảm được quả rất tôn quý có nhiều tiền của châu báu, hình dáng tướng mạo đoan nghiêm mọi người đều yêu mến kính trọng, như Luân vương-Đế Thích-Ma vương..., và gieo trồng chủng tử Bồ-đề của ba Thừa. Những sự việc như vậy đều do Đại Bi.

Lại nữa, do giá trị to lớn mà đạt được cho nên gọi là đại Bi, không giống như Bồ-đề của Độc giác-Thanh văn, vào một ngày trai đem một bữa ăn, bố thí cho một người mà phát nguyện suy nghĩ thù thắng, thì gọi là gieo trồng chủng tử của Bồ-đề ấy, từ đây lần lượt chuyển tiếp đạt được Bồ-đề ấy. Đại Bi cần phải nhờ trải qua thời gian lâu dài, đối với tất cả mọi nơi dùng tất cả các loại đồ vật ưa thích tốt đẹp bậc nhất bố thí cho các hữu tình, thậm chí thân mạng cũng không tiếc nuôi gì, phát nguyện suy nghĩ thù thắng mới gọi là gieo trồng chủng tử của Đại Bi ấy, từ đây lần lượt chuyển tiếp mới đạt được Đại Bi.

Lại nữa, do gia hạnh to lớn mà đạt được cho nên gọi là Đại Bi, không giống như Bồ-đề của Thanh văn chỉ có sáu mươi kiếp tu gia hạnh mà đạt được, Bồ-đề của Độc giác chỉ trải qua trăm kiếp tu gia hạnh mà đạt được; Đại Bi của Như-lai trải qua ba vô số kiếp, tu tập trăm ngàn khổ hạnh khó thực hành, sau đó mới đạt được, cho nên gọi là Đại Bi.

Lại nữa, dựa vào thân to lớn mà trú cho nên gọi là Đại Bi, không giống như Bồ-đề của Thanh văn Độc giác dựa vào thân thấp kém cũng được hiện khởi. Đại Bi cần phải dựa vào thân trang nghiêm đầy đủ bằng ba mươi hai tướng Đại tướng phu, tám mươi vẻ đẹp trang điểm xen lẫn nhau trên thân thể, thân màu vàng ròng với ánh sáng tròn trịa soi chiếu một Tâm, nhìn không hề thảo mãn; dựa vào thân như vậy mới được hiện khởi, cho nên gọi là Đại Bi.

Lại nữa, từ bỏ niềm vui của pháp vĩ đại cho nên gọi là Đại Bi, nghĩa là Đức Phật từ bỏ niềm vui của pháp bất cộng thanh tịnh viên mãn vi diệu thù thắng bậc nhất, thường xuyên vượt qua vô lượng trăm ngàn Câu-chi lớp núi trùng điệp..., thuyết pháp cho mọi người không ngại vất vả nhọc nhằn, cho nên gọi là Đại Bi.

Lại nữa, nhờ vào thế lực này có năng lực giúp cho bậc Đại sĩ làm được việc khó làm, cho nên gọi là Đại Bi. Nghĩa là Phật Thế Tôn vì chúng sinh cho nên từ bỏ địa vị tôn quý, hoặc làm thợ gốm, hoặc làm lực sĩ, hoặc làm người gây cười, hoặc làm thợ săn, hoặc làm dâm nữ, hoặc làm người ăn xin, hoặc dẫn Nan-đà đi khắp nơi năm nẻo, hoặc hiện ra

gần-xa mà cảm hóa Ương-quật-ma-la tuy đầy đủ tầm quý, nhưng vì cảm hóa người nữ mà hiện rõ tướng âm tàng; tuy lia bỏ trạo củ, nhưng vì cảm hóa chúng sinh mà hiện rõ tướng lưỡi rộng dài; làm những việc khó làm hết sức như vậy, cho nên gọi là Đại Bi.

Lại nữa, nhờ vào thế lực lay động hòn núi đại Xả làm cho không đứng yên, cho nên gọi là Đại Bi. Đức Phật có hai loại pháp bất cộng trú:

1. Đại xả.
2. Đại Bi.

Nếu lúc Đại xả của Đức Phật hiện rõ ở trước mắt, giả sử tất cả hữu tình khắp thế giới đều bị đốt cháy như đồng củi khô, thì tuy Đức Phật đứng trước mặt mà không nhìn thấy. Nếu dấy khởi Đại Bi, thậm chí trông thấy một chúng sinh nhận chịu khổ đau, thì thân Na-la-diên tuy rất kiên cố khó có thể lay động, mà giống như gió mạnh thổi vào tàu lá chuối. Bởi vì những nghĩa này, cho nên gọi là Đại Bi.

Trong Tỳ-nại-da nói: “Đức Phật dùng tâm Từ rộng lớn tỏa bóng mát che khắp mà thuyết pháp cho hữu tình.”

Hỏi: Các loài hữu tình nhờ vào tâm Từ rộng lớn của Đức Phật, lúc tâm Từ che mát là được vui sướng hay không? Nếu được vui sướng, thì tại sao địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ, và các loài hữu tình khổ khác, do tâm Từ của Đức Phật che mát mà không lìa khỏi đau khổ? Nếu không được vui sướng thì bài tụng đã nói nên thông hiểu thế nào? Như nói:

“Quỷ thần dùng ý niệm xấu ác, muốn đến nơi con người làm hại,
Tuy chưa tiếp xúc hại đến thân, mà đã sinh khổ đau sợ hãi.”

Ý niệm xấu ác hướng đến con người liền khiến cho khổ đau sợ hãi, tâm Từ của Đức Phật che mát lẽ nào không được vui sướng hay sao?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Đức Phật dùng tâm Từ rộng lớn che mát hữu tình cũng khiến cho được vui sướng.

Hỏi: Nếu như vậy thì dễ dàng thông hiểu bài tụng đã nói, vấn nạn đã nêu ra trước nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Đức Phật quán xét nghiệp của hữu tình có thể chuyển, tâm Từ rộng lớn duyên với họ liền khiến cho được vui sướng. Nếu quán xét nghiệp của họ không thể chuyển được, thì Đức Phật không duyên với họ mà khởi tâm Từ rộng lớn.

Lại có người nói: Đức Phật tuy dùng tâm Từ rộng lớn che mát hữu tình, mà các hữu tình không lập tức được vui sướng.

Hỏi: Nếu như vậy thì dễ dàng thông suốt vấn nạn đã nêu ra trước, bèn tụng đã nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Đức Phật dùng tâm Từ rộng lớn che mát cho người khác, hiện bày các loại sự việc mới làm cho được vui sướng; quỷ thần cũng phải hiện ra sự việc đáng sợ, mới khiến cho khổ đau sợ hãi, chứ không phải chỉ là tâm xấu ác. Đức Thế Tôn đã hiện bày các loại sự việc, là hoặc hiện bày thần thông, hoặc hiện ra sự việc yêu thích, hoặc hiện ra vị thuốc kỳ diệu, hoặc hiện ra xúc chạm tuyệt vời, hoặc hiện ra hình ảnh vui vẻ. Các loại đã hiện bày như vậy rất nhiều.

Hiện bày thần thông: Từ nghe Đức Phật trú tại Tinh xá Trúc Lâm bên hồ Thu Lộ thuộc Đại thành Vương xá, lúc ấy có cư sĩ thỉnh Đức Phật và chúng Tăng, mong muốn đến nhà mình để tổ chức pháp hội bố thí lớn. Đức Phật vào lúc sáng sớm khoác y ôm bát, cùng với chúng Tỳ-kheo đi vào thành Vương xá. Vua Vị Sinh Oán do bạn ác là Thiên Thụ đã giáo hóa, cho nên thả con voi lớn tên gọi Hộ Tài đang say và rất điên cuồng muốn làm hại Như-lai. Lúc bấy giờ Như-lai đưa tay phải lên, ở đầu ngón tay hóa làm năm con sư tử, voi say trông thấy kinh sợ mà quay đầu lại chạy trốn. Đức Phật ở phía sau hóa làm hố lớn, hố đó sâu rộng đều trăm ngàn khủy tay, voi say trong thấy càng sợ hãi liền quay đầu nhìn trái phải. Đức Phật ở hai bên trái phải, hóa làm tường cao đều sắp sụp xuống, voi say trông thấy sợ hãi kinh hoàng, ngược lên nhìn hư không. Đức Phật ở giữa hư không hóa làm tảng đá lớn, lửa dữ bao quanh sắp muốn rơi xuống, voi say trông thấy kinh hoàng hoảng hốt quay đầu nhìn khắp nơi. Đức Phật lại ở khắp nơi hóa làm lửa dữ, chỉ ở bên chân Đức Phật là mát mẻ yên lành. Voi say đã thấy rồi thì tâm say liền tỉnh ngộ, Đức Phật biết voi say đã điều phục liền diệt hết năm con sư tử. Voi say tiến lên trước dùng vòi cọ vào chân Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dùng tay trăm phước trang nghiêm, xoa vào đỉnh đầu voi say, liền dùng ngôn ngữ loài voi mà thuyết pháp cho voi say: Các hành là vô thường-các pháp là vô ngã-Niết-bàn là vắng lặng, ông cần phải khởi tâm cung kính tin tưởng đối với ta, không bao lâu chắc chắn được thoát khỏi nẻo bàng sinh. Voi nghe rồi khởi tâm cúng kính tin tưởng, chán ngán lìa bỏ thân voi không ăn uống nữa, mạng chung sinh ở cõi trời Tam Thập Tam, nhớ mình mang ân nặng của Đức Phật, liền đi đến nơi Đức Phật, Đức Phật thuyết pháp cho nghe mà thấy được bốn Thánh đế, cung kính lễ lạy Đức Phật rồi trở về cung trời của mình. Người lúc ấy đều nói voi lớn Hộ Tài nhờ tâm Từ của Đức Phật che mát cho nên tỉnh cơn điên cuồng được sinh lên cõi trời. Trong này, tâm Từ che mát

nghĩa là hiện bày thần thông.

Đức Phật ở nơi khác lại hiện bày thần thông. Từng nghe lúc Đức Phật sắp nhập Niết-bàn đi qua ấp lực sĩ đến thôn Bá Ba, dừng lại bên cạnh thôn ấy. Lực sĩ trong rừng xích Hoạch nghe tin rồi cùng tập trung bàn bạc rằng: Chúng ta đều cần phải cùng nhau đi đến chỗ Đức Phật, nếu người nào không đến thì nên chịu phạt năm trăm đồng tiền vàng lớn cổ xưa, sung vào làm quỹ sinh hoạt gia đình trong ấp. Lúc ấy có lực sĩ tên gọi là Lô-giá, danh vọng phóng khoáng có nhiều tiền của mà tâm không tin Phật, trộm dấy lên ý niệm này: Minh không tiếc tiền, nhưng không thể nào làm trái quy định của bạn bè thân thiết. Liên cùng với người trong ấp đi đến nơi Đức Phật, đầu lạy dưới chân Đức Phật rồi lùi về đứng một bên. Lúc bấy giờ A-nan nói với Lô-giá rằng: Ông đến thăm viếng Đức Phật thật là tốt lành thay, bậc phước điền Vô thượng không lâu nữa sẽ đến giữa rừng Sa-la nhập đại tịch diệt. Tánh của Lô-giá thẳng thắn nói rõ với A-nan rằng: Tôi đến thăm viếng Đức Phật không phải tự tâm nguyện của mình, nhưng không thể nào làm trái quy định của bạn bè thân thiết. A-nan đưa tay kéo cánh tay Lô-giá, đến trước chỗ Đức Phật mà thưa với Đức Phật rằng: Lực sĩ Lô-giá không tin Tam-bảo, chỉ nguyện Đức Thế Tôn nói cho nghe về pháp quan trọng. Đức Phật dấy lên ý niệm này: Đây là người ái hành tham đắm năm dục, nếu nói pháp cho nghe thì cuối cùng không thể nào hiểu được. Đức Phật thương xót người ấy cho nên vì người ấy mà hiện bày thần thông, háo làm một cái hố chứa đầy thây xác rác rưởi, mùi khói hôi thối lượn lơ-lửa mạnh cháy từ trên xuống dưới, trong đó phát ra tiếng nói: Lực sĩ Lô-giá, nếu người không tin Phật-lắng nghe tiếp nhận giáo pháp, thì người đó mạng chung rồi nhất định sinh vào trong này. Lô-giá thấy và nghe rồi thân tâm run rẩy sợ hãi, liền trở về tìm đến Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho nghe, tâm sinh tin tưởng rồi liền thọ ba quy y. người lúc ấy đều nói lực sĩ Lô-giá nhờ tâm Từ của Đức Phật che mát, cho nên khiến tin vào Tam bảo. Trong này, tâm Từ che mát nghĩa là hiện bày thần thông.

Hiện ra sự việc yêu thích: Từng nghe Đức Phật trú trong khu rừng đại tự tại thiên am la thuộc ấp Di-hi-la, có vợ của Phạm chí tên gọi là Bà-tư-trĩ, mất đi sáu người con, tâm trở nên cuồng loạn. Vì nghĩ nhớ thương con cho nên trần truồng mà chạy khắp nơi, gặp lúc đi vào trong rừng am la này, từ xa trông thấy Đức Thế Tôn với trăm ngàn chúng đệ tử, vây quanh trước sau để nghe Đức Phật nói pháp. Người điên cuồng gặp được Phật pháp như vậy liền tỉnh. Người ấy đã xấu hổ cúi mình mà ngồi. Lúc bấy giờ Đức Phật bảo với Tôn giả A-nan: Ông có thể lấy áo

đưa cho vợ của Phạm chí, Ta muốn nói cho người ấy nghe về Chánh pháp quan trọng. A-nan vâng lời dạy lấy áo mang lại, người ấy mặc áo rồi lay Đức Phật mà ngồi xuống. Đức Phật dấy lên ý niệm này: Tâm của Bà-tư-trĩ này chìm trong biển ưu sầu, giả sử bây giờ có hằng hà sa chư Phật thuyết pháp cho nghe, cũng không thể nào hiểu được. Đức Phật thương xót người ấy cho nên vì người ấy mà hiện bày thần thông, hóa làm sáu người con đứng ở trước mặt người ấy, người ấy trông thấy hoan hỷ thì ưu sầu khổ não liền chấm dứt. Đức Phật thuyết pháp cho nghe mà thấy được bốn Thánh đế. Người lúc ấy đều nói Bà-tư-trĩ này nhờ tâm Từ của Đức Phật che mát, cho nên tỉnh cơn điên loạn mà thấy được chân lý. Trong này, tâm Từ che mát nghĩa là hiện ra sự việc yêu thích.

Đức Phật ở nơi khác lại hiện ra sự việc yêu thích. Từng nghe Đức Phật đi đến nước Thất-la-phiệt trú trong vườn Cấp-cô-độc ở rừng Thệ-đa, có một Phạm chí khiến một người con giữ gìn ruộng lúa chín muồi sắp được gặt hái, bất ngờ gặp phải tai họa mưa đá, ruộng lúa hư hoại người con chết mất. Phạm chí phát điên trần truồng mà chạy khắp nơi, gặp lúc đi vào trong rừng Thệ-đa này, từ xa trông thấy Đức Thế Tôn có trăm ngàn chúng đệ tử, vây quanh trước sau để nghe Đức Phật thuyết pháp. Người điên trông thấy Phật pháp như vậy liền tỉnh lại, tiến lên trước lay dưới chân Đức Phật rồi lùi lại ngồi về một bên. Đức Phật dấy lên nghĩ rằng: Tâm của Bà-la-môn này chìm trong biển ưu sầu, giả sử bây giờ có hằng hà sa chư Phật thuyết pháp cho nghe, cũng không thể nào hiểu được. Đức Phật thương xót người ấy cho nên vì người ấy mà hiện bày thần thông, hóa làm ruộng lúa và người con yêu quý, người ấy trông thấy hoan hỷ thì ưu sầu khổ não liền chấm dứt. Đức Phật thuyết pháp cho nghe mà thấy được bốn Thánh đế. Người lúc ấy đến nói Bà-la-môn này nhờ tâm Từ của Đức Phật che mát, cho nên tỉnh cơn điên cuồng mà thấy được chân lý. Trong này, tâm Từ che mát nghĩa là hiện ra sự việc yêu thích.

Hiện ra vị thuốc kỳ diệu: Từng nghe Đức Thế Tôn đi qua ấp Ca-thi, lần lượt chuyển tiếp đi đến Bà-la-ni-tư, trú nơi người Tiên rơi xuống trong rừng Thi lộc. Có một cư sĩ tên là Đại Quân, vợ của cư sĩ ấy cũng gọi là Đại Quân, cả hai vợ chồng cùng tin vào Tam Bảo, luôn luôn dùng đồ vật tiền bạc cúng dường Đức Phật và Tăng chúng. Có một Tỳ-kheo uống thuốc nôn ra, nôn ra quá nhiều vì vậy dẫn đến chứng phong hư, người chữa trị kê đơn cần phải uốn nước thịt hầm. Lúc ấy người chăm sóc bệnh nhân đi đến nhà cư sĩ, đem đầy đủ sự việc tern6 nói cho vợ cư

sĩ biết. Vợ của cư sĩ ấy bảo người giúp việc cầm tiền đến chợ mua thịt. Lúc ấy vua nước đó tên là Phạm Thụ, sinh được người con nên mừng truyền lệnh khắp nơi trong thành ngăn cấm giết hại một ngày, người giúp việc đi khắp thành tìm thịt không được. Lúc ấy vợ của cư sĩ biết rồi nghĩ rằng: Mình cúng dường Đức Phật và Tăng chúng các đồ dùng cung cấp cho thân, vị thuốc mà Tỳ-kheo bị bệnh ấy cần uống là nước thịt hầm, nay đã không mua được chắc là vì vậy mà dẫn đến cái chết. Lại nghĩ: Đức Thế Tôn xưa kia ở địa vị Bồ-tát, vì cứu mạng sống người khác mà nhiều lần cắt bỏ thịt của thân mình, nay mình cũng nên học theo hạnh Bồ-tát. Lập tức đi vào phòng yên lặng tay cầm dao sắc, tự cắt lấy thịt bắp về mình mang đưa cho người giúp việc, khiến nấu nước thịt giúp cho Tỳ-kheo bị bệnh. Người bệnh có được thuốc rồi không còn nhớ nghĩ gì nữa, vì vậy liền uống vào mà căn bệnh lập tức chữa lành.

Lúc ấy vợ của cư sĩ đau đớn bức bách, rên rĩ ở trong phòng không thể nào tự mình đứng vững được. Cư sĩ từ bên ngoài trở về hỏi vợ mình ở đâu, người giúp việc vì thế đem sự việc trước đó trình bày đầy đủ với cư sĩ. Cư sĩ đi vào phòng thấy vợ rên rĩ liền nổi cơn giận dữ: Sa-môn Thích tử thật là không có hổ thẹn, tại sao nhận sự giúp đỡ mà không biết lúc thích hợp, giúp đỡ tuy không thỏa mãn mà nhận thì cần phải biết mức độ. Lập tức đi đến chỗ Đức Phật muốn thưa với Đức Thế Tôn, đứng lúc gặp Như-lai thuyết pháp cho đại chúng, chiêm ngưỡng dung nhan tôn quý thì tâm giận dữ liền chấm dứt, trộm dấy lên suy nghĩ như vậy: Chưa cần phải thưa với Đức Phật, trước hết nên thỉnh cầu Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng, nhân đó đến trong nhà mới có thể trình bày đầy đủ. Liên tiến lên phía trước lễ lạy Đức Phật rồi lùi về ngồi một bên. Đức Phật thuyết pháp xong, lập tức từ chỗ ngồi đứng dậy thưa thỉnh Đức Phật và chúng Tăng, ngày mai nhận sự cúng dường. Đức Phật biết ý thưa thỉnh mà im lặng nhận lời. Cư sĩ trở về nhà suốt đêm bày biện vật dụng cúng dường, sáng sớm trải chỗ ngồi bảo người giúp việc thưa với Đức Phật: Sắp xếp cúng dường đã xong, chỉ mong bậc Thánh cho biết thời gian. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn vào buổi sáng, khoác y-ôm bát dẫn theo Tỳ-kheo Tăng đi đến nhà cư sĩ, trải chỗ ngồi mà ngồi, biết nhưng cố tình hỏi: Bà nhà ở đâu? Cư sĩ thưa rằng: Bệnh khổ ở trong phòng. Đức Phật bảo với cư sĩ: Ông có thể nói với bà nhà, nay Đại Bi Thế Tôn khiến gọi bà ra. Đức Phật không những hiểu rõ về pháp duyên khởi bên trong, mà cũng khéo léo có năng lực biết rõ sự của duyên khởi bên ngoài, liền dùng thần lực khiến cho thuốc trong Hương Sơn chữa lành vết dao cắt, xoa kín vết cắt ấy khiến cho đau đớn dừng lại, bình phục như an đầu.

Cư sĩ đi vào phòng nói với vợ mình rằng: Đại Bi Thế Tôn khiến tôi gọi bà ra: Người vợ nói: Phật lực không thể nghĩ bàn được, mới nghe Đức Thế Tôn khiến ông gọi tôi, vết thương đau đớn dừng lại, lành lặn như cũ. Vợ chồng vui mừng quá đổi càng thêm cung kính tin tưởng gấp bội, cùng đến chỗ Đức Phật đánh lễ sát hai chân. Đức Phật thuyết pháp cho nghe mà cùng thấy được Thánh đế. Người lúc ấy đều nói vợ chồng Đại Quân nhờ tâm Từ của Đức Phật che mát, cho nên lành vết thương mà thấy được chân lý. Trong này, tâm Từ che mát nghĩa là hiện ra vị thuốc kỳ diệu.

Đức Phật ở nơi khác lại hiện ra vị thuốc kỳ diệu. Xưa kia vua Thắng Quân chặt tay chân của kẻ giặc vứt trong hào sâu ngoài thành. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn khoác y-ôm bát, vì khát thực cho nên sắp sửa đi vào thành. Kẻ giặc kia trông thấy Đức Phật liền cất tiếng kêu lớn: Chỉ mong Đức Thế Tôn rũ lòng thương xót cứu khổ. Đức Phật không những hiểu rõ về pháp duyên khởi bên trong, mà cũng khéo léo có năng lực biết rõ sự của duyên khởi bên ngoài, liền dùng thần lực khiến cho thuốc trong Hương Sơn chữa lành vết dao chém, xoa kín vết chém ấy khiến cho đau đớn dừng lại, nhân đó thuyết pháp cho nghe. Kẻ giặc nghe pháp rồi thấy được bốn Thánh đế. Người lúc ấy đều nói thậm chí cả kẻ giặc hung ác nhờ tâm Từ của Đức Phật che mát, cho nên khổ đau chấm dứt mà thấy được chân lý. Trong này, tâm Từ che mát nghĩa là hiện ra vị thuốc kỳ diệu.

Hiện ra xúc chạm tuyệt vời: Từng nghe Đức Phật trú ở phái Nam núi Thứu Phong, Đề-bà-đạt-đa ở phái Bắc núi Thứu Phong, ngày đêm đau đầu không thể nào ăn ngủ được. A-nan thương tình đem điều đó trình bày đầy đủ với Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn duỗi cánh tay phải giống như vòi của voi chấu xuyên qua núi Thứu Phong, xoa trên đỉnh đầu Thiên Thụ, hiện bày sự xúc chạm tuyệt vời tinh tế, phát ra lời nói chân thành thẳng thắn: Ta đối với Thiên Thụ, tâm Từ thương xót cùng với La-hầu-la như nhau không khác, sẽ khiến cho bệnh đau đầu của Thiên Thụ lập tức dừng lại. Bệnh đau đầu của Thiên Thụ theo tiếng nói liền chấm dứt, tức thì quay đầu nhìn và nghĩ rằng: Thấy tay ai xúc chạm trên đầu mình. Đã biết là tay của Đức Phật, mà dấy lên nói như vậy: Khéo hiểu rõ phương pháp chữa bệnh có thể sử dụng để tự cứu sống mình. Người lúc ấy đều nói thậm chí cả Thiên Thụ nhờ tâm Từ của Đức Phật che chở, cho nên bệnh đau đầu được chữa lành. Trong này, tâm Từ che mát nghĩa là hiện ra xúc chạm tuyệt vời.

Đức Phật ở nơi khác lại hiện ra xúc chạm tuyệt vời. Từng nghe

Đức Thế Tôn đi qua các phòng Tăng, vào trong một phòng thấy một Tỳ-kheo, bệnh nằm giữa đống phân dơ không thể nào cử động được. Tỳ-kheo ấy trông thấy Đức Phật rồi đau buồn khóc lóc thưa với Đức Phật: Thưa Đức Thế Tôn! Nay con không có nơi trở về, không có ai cứu giúp. Đức Thế Tôn bảo rằng: Ông vốn là người xuất gia, lẽ nào không quy y đấng Từ Phụ của ba cõi? Tỳ-kheo ấy thưa: Đúng như vậy. Đức Phật lại bảo rằng: Sao ông lại nói là không có nơi trở về, không có ai cứu giúp, ông đã từng chăm sóc nuôi dưỡng Tỳ-kheo bị bệnh bao giờ chưa? Tỳ-kheo ấy thưa rằng: Không hề có. Đức Phật bảo rằng: Vì vậy cho nên người khác không quan tâm đến ông. Đức Thế Tôn liền tự mình đỡ Tỳ-kheo bị bệnh ngồi dậy, cởi áo trên thân người ấy bỏ qua một nơi, lại lấy mảnh tre cạo bỏ phân dơ hôi thối đã dính trên thân người ấy, lấy đất sét trắng trộn nhào xoa khắp thân thể, Thiên Đế dội nước mà tắm rửa cho người ấy. Lại lấy phân trâu xoa trong căn phòng ấy, lại trải đệm cỏ mới rồi dìu đứng dậy giúp cho ngồi yên ổn, giặt quần áo dơ bẩn phơi khô khiến mặc vào. Đức Phật chia đôi phần ăn mà đưa cho Tỳ-kheo ấy ăn, đưa bàn tay phước đức trang nghiêm xúc chạm tuyệt vời tinh tế, xoa trên đỉnh đầu người ấy, khiến cho bệnh khổ của người ấy ngay lập tức đã khỏi hẳn, nhân đó thuyết pháp cho nghe mà thành bậc A-la-hán. Người lúc ấy đều nói ngay cả người bệnh nhờ tâm Từ của Đức Phật che mát, cho nên bệnh khổ chữa lành mà đạt được quả. Trong này, tâm Từ che mát nghĩa là hiện ra xúc chạm tuyệt vời.

Hiện ra hình ảnh vui vẻ: Từng nghe Đức Thế Tôn cùng với Xá-lợi-tử kinh hành ở một nơi, lúc ấy có một con chim bị chim ưng đuổi bắt, sợ hãi vội vàng liền bay vào trong hình bóng của Xá-lợi-tử, nỗi sợ hãi vẫn còn không chấm dứt cho nên toàn thân run rẩy, lại bay vào hình bóng của Đức Phật thì thân tâm bình thản yên lành. Lúc ấy Xá-lợi-tử chấp tay thưa với Đức Phật: Tại sao chú chim này bay đến trong hình bóng của con vẫn còn có nỗi sợ hãi, vừa bay đến hình bóng của Đức Phật thì tâm không còn kinh sợ- thân không còn run rẩy? Đức Phật bảo rằng: Ông tu ý không làm hại trong sáu mươi kiếp, Ta ở trong ba Đại vô số kiếp tu ý không làm hại, ông còn có tập khí làm hại, Ta đã vĩnh viễn đoạn trừ cho nên khiến như vậy. người lúc ấy đều nói ngay cả chú chim nhỏ nhờ tâm Từ của Đức Phật che mát, cho nên khiến nỗi sợ hãi trừ diệt. Trong này, tâm Từ che mát nghĩa là hiện ra hình ảnh vui vẻ.

Đức Phật ở nơi khác lại hiện ra hình ảnh vui vẻ. Từng nghe Tỳ-lô-trạch-ca ngu đần hung bạo, phá hoại nước Kiếp-tử-la giống như Thiên cung, sát hại giòng họ Thích chiếm đoạt của cải châu báu, dẫn năm trăm

cô gái họ Thích trở về nước Thất-la-phiệt, cùng nhau bước lên đài cao ngắm nhìn mà tự mình kiêu ngạo khao trương: Giòng họ Thích ngang ngược khinh mạn ta đã giết hết. Các cô gái họ Thích nói rằng: Giòng họ Thích vì giới cấm mà phòng ngừa để hạn chế, cho nên khiến người sát hại như vậy. Tỳ-lô-trạch-ca nghe rồi rất tức giận, các cô gái họ Thích này vẫn còn ôm lòng ngạo mạn, đều cắt đứt tay chân bỏ vào trong hào sâu ngoài thành. Lúc bấy giờ những cô gái họ Thích bị đau đớn hành hạ, tất cả dốc lòng niệm Phật cầu xin rủ lòng thương xót. Đức Phật biết rõ tâm niệm của họ, do Đại Bi đã dẫn dắt trong khoảng co duỗi cánh tay lập tức đến chỗ ấy, nghĩ đến Thiên Đế Thích khiến mang áo quần che kín, tự mình phát ra ánh sáng trên thân soi chiếu những cô gái họ Thích. Lúc ấy những cô gái họ Thích được hình bóng của ánh sáng che phủ, đau đớn đều trừ diệt-thân tâm được yên ổn, nhân đó thuyết pháp cho nghe và đều thấy rõ Thánh đế, mạng chung sinh đến cõi trời Tam Thập Tam tuyệt vời. Người lúc ấy đều nói nhờ tâm Từ của Đức Phật che chở, cho nên các cô gái họ Thích đều được lợi ích vui sướng. Trong này, tâm Từ che chở nghĩa là hiện ra hình ảnh vui vẻ.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên không phải là tâm Từ che mát thì lập tức khiến được vui sướng.

Như trong kinh nói: “Tu pháp Từ cứu cánh cao nhất đến cõi trời Biến Tịnh, tu pháp Bi cứu cánh cao nhất đến Không vô biên xứ, tu pháp Hỷ cứu cánh cao nhất đến Thức vô biên xứ, tu pháp Xả cứu cánh cao nhất đến Vô sở hữu xứ.”

Hỏi: tu pháp Từ cứu cánh cao nhất đến cõi trời Biến Tịnh, sự việc này có thể như vậy, bởi vì đạt được quả nơi ấy cho nên hệ thuộc ở nơi ấy; tu ba Vô lượng cứu cánh cao nhất đến ba Vô sắc dưới, làm sao có thể như vậy, lẽ nào có thiện của cõi Sắc dẫn đến quả của Vô sắc hay sao?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Cách nói này rất sâu xa, đến lúc Di-lặc ra đời thì sẽ giải thích về nghĩa này. Lại có người nói: Tôn giả Tịch Thụ có năng lực giải thích về nghĩa này, lúc Luận Sư của bản luận này đang soạn luận, gặp lúc Tôn giả ấy còn trong Định cho nên không thừa hỏi được. Có Sư khác nói: Đức Phật quán xét hữu tình được hóa độ thích hợp với Vô sắc, mà nói theo thanh vô lượng mới có thể hiểu ra, cho nên đưa ra cách nói này; như đối với giải thoát mà nói theo thanh Tám Phương. Hoặc có người nói: Trong này Đức Phật đối với Tĩnh lự thứ ba, Giác chi đối trị với ba Vô sắc dưới, nói là Từ... cho nên không trái với lý.

Lại có người khác nói: Cùng với nó tương tự cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là Từ vô lượng chuyển hành tướng của Lạc, Lạc thọ cao nhất đến Tĩnh lực thứ ba; Bi vô lượng chuyển thành hành tướng của Khổ, có sắc chất thì có các loại sự việc đau khổ như chặt đứt tay chân..., Không vô biên xứ chỉ trích các sắc tựa như hành tướng của Bi; Hỷ vô lượng chuyển hành tướng của Hoan, Thức vô biên xứ đối với sự nhận thức vui mừng tựa như hiện tại của Hỷ; Xả vô lượng chuyển hành tướng của Xả, Vô sở hữu xứ phần nhiều đã từ bỏ tựa như hành tướng của xả. Vì vậy dựa vào tương tự mà nói theo thanh vô lượng.

Lại nữa, đến nơi ấy thích dừng lại (Lạc trú) cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là người thích tu pháp Từ, lìa nhiệm của cõi Dục, khởi lên Tĩnh lực thứ nhất, tâm không thích dừng lại; tiếp tục cầu thắng tiến, lìa nhiệm của Tĩnh lực thứ nhất, khởi lên Tĩnh lực thứ hai cũng lại như vậy; lìa nhiệm của Tĩnh lực thứ hai, lúc khởi lên Tĩnh lực thứ ba thì tạm vui thích dừng lại. Người thích tu pháp Bi, lìa nhiệm của cõi Dục cho đến lìa nhiệm của Tĩnh lực thứ ba, khởi lên Tĩnh lực thứ tư, tâm không thích dừng lại; tiếp tục cầu thắng tiến, lìa nhiệm của Tĩnh lực thứ tư; lúc khởi lên Không vô biên xứ thì tâm vui thích dừng lại. Người thích tu pháp Hỷ, lìa nhiệm của cõi Dục cho đến lìa nhiệm của Tĩnh lực thứ tư, khởi lên Không vô biên xứ, tâm không thích dừng lại; tiếp tục cầu thắng tiến, lìa nhiệm của Không vô biên xứ, lúc khởi lên Thức vô biên xứ thì tâm vui thích dừng lại. Người thích tu pháp Xả, lìa nhiệm của cõi Dục cho đến lìa nhiệm của Không vô biên xứ, khởi lên Thức vô biên xứ, tâm không thích dừng lại; tiếp tục cầu thắng tiến, lìa nhiệm của Thức vô biên xứ, lúc khởi lên Vô sở hữu xứ thì tâm vui thích dừng lại. Vì vậy dựa vào thích dừng lại mà nói theo thanh Vô lượng.

Lại nữa, dựa vào tùy thuận với nhau cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là do Từ mà dấy khởi Đăng lưu của cõi Dục thuận theo Tĩnh lực thứ ba, do Tĩnh lực thứ ba mà dấy khởi Đăng lưu của cõi Dục thuận theo Từ, nói rộng ra cho đến do xả mà dấy khởi Đăng lưu của cõi Dục thuận theo Vô sở hữu xứ, do Vô sở hữu xứ mà dấy khởi Đăng lưu của cõi Dục thuận theo Xả. Vì vậy dựa vào tùy thuận với nhau mà nói theo thanh Vô lượng.

Lại nữa, vì đối trị ngoại đạo đối với cõi Vô sắc khởi lên tướng của giải thoát cho nên đối với Vô sắc mà nói theo thanh Vô lượng, hiển bày cõi Vô sắc đều giống như Vô lượng chứ không phải là giải thoát thật sự.

Vì vậy cho nên Tôn giả Diệu Âm nói rằng: Các hạng ngoại đạo

ngu dốt về cõi Vô sắc mà chấp là giải thoát, do đó Đức Phật đối với cõi ấy nói theo thanh Vô lượng, hiển bày tựa như Vô lượng chứ không phải là giải thoát thật sự.

Bốn Vô sắc, đó là không vô biên xứ, Thức Vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh nghĩa. Nghĩa là hoặc có người nói: Cõi Vô sắc là có sắc. Như Luận giả Phân biệt đã nói. Hoặc lại có người nói: Cõi Vô sắc là không có sắc. Như Luận giả Ứng Lý đã nói.

Hỏi: Luận giả Phân biệt dựa vào giáo lý nào mà nói là cõi Vô sắc cũng có sắc?

Đáp: Bởi vì dựa vào kinh. Nghĩa là trong kinh nói: “Danh sắc duyên Thức, Thức duyên Danh sắc.” Cõi Vô sắc đã có Thức thì cũng phải có Danh sắc. Kinh khác lại nói: “Thọ Noãn và Thức, cả ba luôn luôn hào hợp không tách rời nhau, không có thể thi thiết tách rời sai khác.” Trong cõi Vô sắc đã có Thọ và Thức thì cũng phải có Noãn. Kinh khác lại nói: “Lìa Sắc-Thọ-Tưởng-Hành, không nên nói là Thức có đi-đến-dừng lại, có tử-có sinh.” Trong cõi Vô sắc đã nhất định có Thức thì cũng phải có đầy đủ bốn Thức trú.

Lại có vấn nạn sai lầm: Nếu cõi Vô sắc hoàn toàn không có sắc, thì ở cõi Dục và cõi Sắc chết rồi sinh vào cõi Vô sắc, hoặc hai vạn kiếp, hoặc bốn vạn kiếp, hoặc sáu vạn kiếp, hoặc tám vạn kiếp, các sắc đoạn mất rồi sau khi chết đi sinh trở lại cõi Dục-cõi Sắc thì làm sao dấy khởi? Nếu sắc đoạn mất rồi vẫn được dấy khởi, thì nhập Niết-bàn rồi các hành đã đoạn mất, cũng phải về sau vẫn dấy khởi các hành? Đừng có sai lầm này, cho nên cõi Vô sắc quyết định là có sắc.

Hỏi: Luận giả Ứng Lý dựa vào giáo lý nào mà nói là cõi Vô sắc hoàn toàn không có sắc?

Đáp: Bởi vì dựa vào kinh. Nghĩa là trong kinh nói: “Cõi Sắc lìa khỏi dục, cõi Vô sắc lìa khỏi sắc, tịch diệt Niết-bàn lìa khỏi hữu vi.” Đã nói là cõi Vô sắc lìa khỏi sắc, cho nên cõi Vô sắc nhất định không có các sắc. Kinh khác lại nói: “Lúc tiến vào Tĩnh lự thì quán tất cả Sắc-Thọ-Tưởng-Hành-Thức như bệnh tật-như ung nhọt, cho đến nói rộng ra. Lúc tiến vào Vô sắc Định, quán tất cả Thọ-Tưởng-Hành-Thức, như tật bệnh-như ung nhọt, cho đến nói rộng ra. vì vậy cho nên biết là trong cõi Vô sắc nhất định không có các sắc. Kinh khác lại nói: “Các Định Vô sắc vắng lặng và giải thoát vượt qua các sắc.” Vì vậy cho nên biết là

trong cõi Vô sắc nhất định không có các sắc. Kinh khác lại nói: “Vượt lên trên cái tướng về các sắc, diệt trừ cái tướng về có đối đãi, không tư duy về các loại tướng, tiến vào Vô biên Không, trú đầy đủ trong Không vô biên xứ.” Vì vậy cõi Vô sắc nhất định không có các sắc.

Lại có vấn nạn sai lầm: Nếu cõi Vô sắc hãy còn có sắc, thì lẽ ra không có pháp diệt dần dần; nếu không có pháp diệt dần dần, thì lẽ ra không có pháp diệt cứu cánh; nếu không có pháp diệt cứu cánh, thì lẽ ra không có giải thoát xuất ly và Niết-bàn. Đừng có sai lầm này, cho nên cõi Vô sắc quyết định không có sắc.

Hỏi: Trong hai cách nói này, cách nói nào là hợp lý?

Đáp: Luận sư Ứng Lý đã nói là hợp lý.

Hỏi: Luận giả Ứng Lý làm sao giải thích thông suốt kinh do Luận giả Phân biệt đã dẫn chứng?

Đáp: Kinh đã dẫn chứng ấy là kinh bất liễu nghĩa, là tạm thời thi thiết có ý nghĩa riêng biệt. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Như-lai thuyết pháp, hoặc dựa vào cõi Dục, hoặc dựa vào cõi Sắc, hoặc dựa vào cõi Vô sắc, hoặc dựa vào cõi Dục-Sắc, hoặc dựa vào cõi Sắc-Vô sắc, hoặc dựa vào ba cõi, hoặc dựa vào lìa ba cõi.

Dựa vào cõi Dục, như nói về ba cõi-ba Tâm-ba Tướng, đó là Dục-Nhuế và Hại. Dựa vào cõi Sắc, như nói về bốn Tĩnh lự. Dựa vào cõi Vô sắc, như nói về bốn Vô sắc. Dựa vào cõi Dục và cõi Sắc, như kinh đã dẫn chứng kia. Dựa vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, như nói về tu Định do ý mà thành... Dựa vào ba cõi, như nói về ba cõi và ba hữu... Dựa vào lìa ba cõi, như nói về Niết-bàn và Thánh đạo...

Vả lại, kinh thứ nhất đã dẫn chứng kia, thì Danh sắc và Thức làm duyên cho nhau, là dựa vào cõi Dục-cõi Sắc mà nói; nếu cõi Vô sắc thì chỉ có Danh và Thức lại làm duyên cho nhau; nếu ngay như vậy mà chọn lấy nghĩa, thì kinh ấy nói sáu Xứ duyên Xúc, lẽ nào cõi Vô sắc có đủ sáu Xứ?

Vả lại, kinh thứ hai đã dẫn chứng kia, thì Thọ-Noãn và Thức cả ba không tách rời nhau, cũng dựa vào cõi Dục-cõi Sắc mà nói; nếu cõi Vô sắc thì chỉ có Thọ và Thức không tách rời lẫn nhau; nếu ngay như vậy mà chọn lấy nghĩa, thì kinh ấy nói Thọ-Noãn và Thức cả ba không có thể thi thiết tách rời sai khác, lẽ nào ba loại Uẩn-Giới-Xứ này, không có thể thi thiết tách rời sai khác?

Vả lại, kinh thứ ba đã dẫn chứng kia, thì Sắc-Thọ-Tướng-Hành, không nên nói là Thức có đi-đến..., cũng dựa vào cõi Dục-cõi Sắc mà nói; nếu cõi Vô sắc thì nên nói là lìa Thọ-Tướng-Hành, không nên nói

là Thức có đến-đi... nếu ngay như vậy mà chọn lấy nghĩa, thì như kinh khác nói tất cả hữu tình đều dựa vào ăn uống mà tồn tại, lẽ nào hai cõi trên cũng cung cấp về Đoàn thực?

Hỏi: Làm sao thông suốt vấn nạn sai lầm đã nói kia?

Đáp: Điều này không cần phải thông suốt bởi vì không phải là ba Tạng. Nếu nhất định phải thông suốt thì nên nêu rõ nghĩa lý, nghĩa là đối với chết-sống qua lại trong ba cõi, hoặc là Sắc nối tiếp Sắc, hoặc là Sắc nối tiếp Vô sắc, hoặc là Vô sắc nối tiếp Vô sắc, hoặc là Vô sắc nối tiếp Sắc; không nên nói là các sắc đoạn mất rồi, lại làm sao dấy khởi, bởi vì không có nghĩa của đoạn mất.

Hỏi: Nếu lia sắc rồi lại còn sinh ra sắc, thì nhập Niết-bàn rồi lẽ ra vẫn còn dấy khởi các hành?

Đáp: Lìa có hai loại:

1. Lìa trong chốc lát.
2. Lìa đến tận cùng.

Lìa trong chốc lát thì còn có thể sinh trở lại, lìa đến tận cùng thì nhất định không còn dấy khởi, cho nên không cần phải chất vấn.

Hỏi: Luận giả Phân Biệt làm sao giải thích thông suốt kinh do Luận giả Ứng Lý đã dẫn chứng?

Đáp: Vị ấy đưa ra cách nói này: Kinh đã dẫn chứng ở đây là kinh Bất liễu nghĩa, là tạm thời thi thiết có ý nghĩa riêng biệt. Nguyên cơ thế nào? Nghĩa là kinh ấy nói cõi Vô sắc lìa khỏi Sắc, là lìa khỏi sắc thô thiển chứ không phải là không có sắc vi tế; như nói cõi Sắc lìa khỏi các Dục, mà trong cõi Sắc hãy còn thừa nhận là có sắc, nói rõ cõi Vô sắc lìa khỏi các Sắc, trong cõi Vô sắc thuận theo thừa nhận là có Sắc.

Vị ấy không nên đưa ra cách nói này. Không nói cõi Sắc rời khỏi sắc cho nên có thể còn có sắc, nói cõi Vô sắc rời khỏi sắc cho nên phải quyết định là không có sắc. Lại như cõi Sắc nói là lìa khỏi Dục thì Dục vi tế cũng không có, nói cõi Vô sắc lìa khỏi Sắc cho nên cũng không có Sắc vi tế. Vả lại, cõi Vô sắc không có Thọ... thô thiển, cũng nên nói là không có giới như Thọ... Hơn nữa, sắc của cõi Sắc vi tế đối với cõi Dục, nên nói cõi Sắc cũng gọi là không có sắc; ba Vô sắc dưới thô thiển đối với Hữu Đảnh, nên nói ba Vô sắc gọi là có Sắc giới. Vì vậy vị ấy đã nói chắc chắn không hợp lý. Vị ấy đối với kinh khác và nói đến vấn nạn sai lầm đều không thể nào thông suốt được. Vì vậy nên biết, Luận giả Phân biệt là không hiểu biết về quả, tối tăm về quả, không rõ ràng về quả, không chịu khó gia hạnh về quả, nói cõi Vô sắc vẫn còn có sắc vi tế nhưng mà cõi Vô sắc thì các sắc đều không có.

Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác đã nói như vậy để biểu hiện rõ ràng về tông chỉ của mình vốn có nghĩa lý chính xác; không phải là chỉ ngăn chặn tông chỉ của mình đã nói, mà cũng vì biểu hiện rõ ràng chánh lý về các pháp, khiến người khác hiểu biết rõ ràng, cho nên soạn ra phần luận này.

